

THÔNG BÁO

**Về việc danh mục Văn bằng, Chứng chỉ ngoại ngữ xét chuẩn đầu vào - ra
trình độ Sau đại học tại Học viện Tài chính**

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-HVTC ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Học viện Tài chính ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 708/QĐ-HVTC ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Tài chính ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Tài chính;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Thường trực Hội đồng khoa học và đào tạo ngày 23 tháng 6 năm 2026 nhất trí về việc cập nhật danh mục văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phục vụ xét chuẩn đầu vào trình độ tiến sĩ và trình độ thạc sĩ;

Khoa Sau đại học thông báo về việc danh mục Văn bằng, Chứng chỉ ngoại ngữ xét chuẩn đầu vào - ra trình độ Sau đại học tại Học viện Tài chính áp dụng từ tháng 6/2026, danh sách phụ lục đính kèm 

Nơi nhận:

- TTNN-TH&BDTCKT

- Lưu: SDH

TRƯỞNG KHOA

PHỤ LỤC

**DANH MỤC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CHẤP NHẬN XÉT CHUẨN ĐẦU VÀO - RA
TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Thông báo số: 322/TB-SDH ngày 29 tháng 6 năm 2026)

Ngôn Ngữ	TT	Loại CC	Tên VBCC	Căn cứ pháp lý cho phép và công nhận	Bậc 3		Bậc 4	
					Điểm	Đáp ứng chuẩn đầu vào Thạc sĩ	Điểm	Đáp ứng đầu vào tiến sĩ/chuẩn đầu ra Thạc sĩ
Tiếng Anh	I							
	1	Chứng chỉ quốc tế	IELTS Academic	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021	4.0-5.0	Từ Bậc 3 (4.5 theo bảng HVTC)	5.5-6.5	Từ Bậc 4 (5.5 trở lên)
	2	Chứng chỉ quốc tế	TOEFL iBT	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021	30-45	FT	49-63	Từ Bậc 4
	3	Chứng chỉ quốc tế	TOEFL iBT từ tháng 01/2026	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021. Thông tin thay đổi thang điểm TOEFL iBT từ 120 sang 1-6	3	Từ mức 3	4	Từ mức 4
	4	Chứng chỉ quốc tế	TOEIC 4 kỹ năng	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021	Nghe 275; Đọc 275; Nói 120; Viết 120	Từ Bậc 3	Nghe 400; Đọc 385; Nói 160; Viết 150	Từ Bậc 4 trở lên
	5	Chứng chỉ quốc tế	Linguaskill	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021; Quyết định số 3731/QĐ-BGDĐT ngày 17/11/2022; Quyết định số 1922/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2023; Các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức thi/cấp chứng chỉ	140 -159	Từ 140 trở lên (B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill)	160-179	Từ 160 trở lên (B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill)
	6	Chứng chỉ quốc tế	Aptis ESOL International Certificate	QĐ 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2023	B1	Từ B1	B2	Từ B2

ch

Ngôn Ngữ	TT	Loại CC	Tên VBCC	Căn cứ pháp lý cho phép và công nhận	Bậc 3		Bậc 4	
					Điểm	Đáp ứng chuẩn đầu vào Thạc sĩ	Điểm	Đáp ứng đầu vào tiến sĩ/chuẩn đầu ra Thạc sĩ
	7	Chứng chỉ quốc tế	Pearson English International Certificate (PEIC)	QĐ 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024	Level 2	Từ Level 2	Level 3	Từ Level 3
	8	Chứng chỉ quốc tế	Versant English Placement Test (VEPT)	QĐ 58/QĐ-BGDĐT ngày 15/01/2026	67	Từ 67 điểm tương đương Bậc 3 theo bảng HVTC	Không xét	
	9	Chứng chỉ quốc tế	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	QĐ 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024	43-58	Từ 43 điểm	59-75	Từ 59 điểm
	10	Chứng chỉ quốc tế	Cambridge Assessment English	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021		B1 Thang điểm từ 140-159 B1 Preliminary/B1 Business Preliminary		B2 Thang điểm từ 160 trở lên B2 First/B2 Business Vantage
	11	Chứng chỉ theo KNLNNVN	Chứng chỉ tiếng Anh theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam	TT 33/2026/TT-BGDĐT; Các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức thi/cấp chứng chỉ;	Bậc 3	Từ Bậc 3	Bậc 4	Từ Bậc 4
	12	Văn bằng	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021	Không quy đổi điểm	Chấp nhận	Không quy đổi điểm	Chấp nhận
	13	Chứng chỉ quốc tế	Oxford Test of English (OTE)	QĐ số 1429/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026	Bậc 3	81-110	Bậc 4	111-140
			OTE Advanced	QĐ số 1429/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026			Bậc 4	111-140
	14	Chứng chỉ quốc tế	LANGUAGECERT International ESOL	QĐ số 1430/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026	Bậc 3	B1 Achiever	Bậc 4	B2 Communicator
			LANGUAGECERT Academic	QĐ số 1430/QĐ-BGDĐT ngày 29/5/2026	Bậc 3	40-59	Bậc 4	60-74
	15	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học và Bồi dưỡng TCKT	Kỳ thi đánh giá năng lực tại Học viện Tài chính		Bậc 3	Chấp nhận		

Ngôn Ngữ	TT	Loại CC	Tên VBCC	Căn cứ pháp lý cho phép và công nhận	Bậc 3		Bậc 4	
					Điểm	Đáp ứng chuẩn đầu vào Thạc sĩ	Điểm	Đáp ứng đầu vào tiến sĩ/chuẩn đầu ra Thạc sĩ
Tiếng Pháp	16	Chứng chỉ quốc tế	CIEP/Alliance française diplomas	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Các cơ sở của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận	TCF: 300-399	DELFB1 Diplôme de Langue	TCF từ 400 trở lên	DELFB2 trở lên Diplôme de Langue.
Tiếng Trung Quốc	17	Chứng chỉ quốc tế	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Các cơ sở của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận	Bậc 3		Bậc 4	
Tiếng Đức	18	Chứng chỉ quốc tế	Goethe - Institut	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Các cơ sở của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận	B1	Goethe-Zertifikat B1	B2	Goethe-Zertifikat B2 trở lên.
	19		The German (TestDaF language certificate)		Bậc 3	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	Bậc 4	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên.
Tiếng Nhật	20	Chứng chỉ quốc tế	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Các cơ sở của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận		N4		N3 trở lên.
Tiếng Nga	21	Chứng chỉ quốc tế	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign	TT 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021; TT 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 Các cơ sở của nước ngoài được Bộ GD&ĐT công nhận		ТРКИ – 1		ТРКИ – 2

(Danh sách gồm 21 Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ)